

VIEN-AM NGUYET-SAN

音 圓



S. E. E. R. B. A.

Lập một cơ-sở bất động sản cho Phật-Học-Trường
và Tăng - Chúng Hoảng - Pháp tương - lai

LỜI THÔNG CÁO

CÙNG TOÀN - THỂ HỘI - VIÊN HỘI ANNAM PHẬT - HỌC

Nam-mô A-Di-Đà Phật,

Mục-dịch Hội Annam Phật-học là « *Hoảng-dương Phật-pháp* ». Nhiệm vụ của sự « *Hoảng dương Phật-pháp* » là *Chú-giảng Tăng-già đủ uy-ngộ pháp hạnh, chuyên tu và giảng dạy không còn bị chút chi phí nào*.

Cương lĩnh của chúng Tăng-già chuyên tu và giảng dạy, là cá học-tăng thành tài của trường Phật-học, các thầy đủ học hạnh trọn môn, các trí-thức cư-sĩ phát tâm xuất gia...

Người biết suy nghĩ không bao giờ chịu xây đắp một ngôi nhà đồ-sộ ở trên đất mềm.

Chúng ta cũng vậy, không bao giờ chúng ta chịu để cho những công-nghiệp chúng ta đã tận tụy gây dựng, rồi một ngày kia bị *tan rã* hay những *tín-tâm* mạnh mẽ chúng ta đã vun đúc, rồi trở lại *im lìm buồn tẻ* như xưa!

Hiện nay các đạo-hữu hẳn thấy :

— *Phật-học-trường* tạm sống chật hẹp và pháp-phòng với số người liếm phần nấp khi đủ khi thiếu của các Tỉnh-Hội, các học-tăng số thành-tài không thể không ngại ngùng bước tương-lai của họ.

— *Một thầy Tăng-già đủ học hạnh* có đại tâm đâu không nỡ chỉ sống với một ngôi chùa riêng, cũng khó bề *hy-sinh* theo Hội, nể sự sanh hoạt của Hội thiếu hậu-thuần.

— *Một thanh-niên thông-thái*, một cư-sĩ trí-thức, phát tâm xuất-gia đi đeo đuổi mục-dịch của Hội phải do dự khi thấy công việc Hội trở ngại vì nền tài-chánh.

Bao giờ trong nước Việt-Nam chưa có một đoàn thể thống nhất Tăng-già trụ-tri Phật-pháp, thì Phật-giáo trong nước chưa có nền-lĩnh-vực vững vàng.

Đã không có nền-tảng vững-vàng, thì dù chúng ta có dựng Hội quán cho nguy-nga, lập giảng đường cho to-tát, tạo Phật-tượng cho trang-nghiêm, khước-trưng phạm-vi Phật-Học-Hội cho rộng lớn cũng chỉ là « *dựng tháp trên đất mềm* » mà thôi ! (xin xem bìa trang).

PHẬT-HỌC CU' O'NG-YẾU

(Tiếp theo số 56)

2) **Hiện-sự thật-tánh.** — *Hiện-sự* tức là những hiện-hành thật-sự vừa nói trên kia, thật-tánh của các hiện-hành thật-sự thì gọi là hiện-sự thật-tánh.

Các hiện-hành thật-sự, như một thân người hay một cục phần, tuy in tưởng có cá-thể, nhưng xét ra cho kỹ, thật không có tánh-cách nhất-định và cũng không có tánh-cách độc-lập. Cục phần đất, nước nhân-công, khuôn in v. v... hội-hiệp mà thành, nhưng đất không phải cục phần, nước không phải cục phần, cho đến nhân-công, khuôn in cũng không phải cục phần, và ngoài các món ấy ra cũng không còn gì là cục phần. Phật-pháp gọi các món ấy là nhân-duyên của cục phần và nhận rằng cục phần chỉ do nhân-duyên giả-hợp (vì nhân công một sức mạnh, khuôn in một khí-dụng không thể thật hòa-hợp với đất với nước) mà thành, không có tự-tánh.

Cũng như cục phần, thân người do giòng sanh-mạng hiệp với cơ-duyên của cha mẹ, của đất nước, ánh-sáng mặt trời, không-khí v. v... hội-hợp mà thành. Nói rộng ra thì thế-giới thành-lập cũng do nhân-duyên, nghĩa là do chủng-lũ tứ-dại (như trong hóa-học gọi là nguyên-lử hay điện-lử) và tăng-thượng-duyên của nghiệp-lực hết thảy chúng-sanh hội-hợp mà thành.

Muốn sự muốn vật đã đều do nhân-duyên hợp thành thì muốn sự muốn vật đều là đối-đãi, không có tánh chắc-thật, không có tánh độc-lập, chỉ duyên với nhau, đối-đãi với nhau mà hiện ra như huyễn như hóa. Suy rộng ra thì mỗi sự vật đều do nhân-duyên đối-đãi trực tiếp hay gián tiếp của tất cả sự vật mà thành, vậy thật-tánh của mỗi sự vật tức là

tánh vũ-trụ. Xét được tánh ấy thì biết sự sự vật vật đều hóa-hợp lẫn nhau, ảnh-hưởng lẫn nhau và một hành-động của cá-nhân đều có quan-hệ đến toàn thể vũ-trụ. Người xưa có câu : « nhất ngôn hưng bang, nhất ngôn táng bang », mới nghe in tuồng viển-vông, nhưng thật là một điều chắc-chắn rất dễ chứng-nhận ; như một lời nói của Trâu-Kỳ làm cho nước Tề được hưng-vượng, một lời nói của Tần-Cối làm cho nhà Tống phải bại-vong, đó là vài chứng-cứ rõ-ràng trong lịch-sử.

Chúng ta thường thấy trong một địa - phương, nhiều người có đạo-hạnh, có phúc-đức thì địa-phương ấy mưa gió thuận-hòa, thường hay được mùa và ít bị tai-nạn, tật dịch, đó cũng là nhờ ảnh-hưởng của hành-vi cá-nhân đến toàn-thể thế-giới. Xem vậy thì biết mỗi người đối với xã-hội không thể không thận-trọng về hết thấy hành-động của mình, vì mỗi hành-động đều có thể ảnh-hưởng đến toàn-thể loài người, ảnh-hưởng đến toàn-thể thế-giới. Toàn-thể thế-giới đã do hành-động của loài người ảnh-hưởng mà thành, người lại do nhân-duyên của toàn-thể thế-giới giả-hiệp mà có, thì người và thế-giới không có thể rời nhau, người và thế-giới không hai không khác ; xét như vậy thì biết người không có cá - thể riêng, tánh người, chỉ là tánh của xã-hội, tánh của thế-giới, tánh của vũ-trụ. Các vị đại-thánh đại-hiền nương theo thật-tánh ấy đem cái lực-lượng quan-hệ đến toàn-thể mà phát-huy cùng khắp xã-hội, cùng khắp nhân-loại, cùng khắp thế-giới nên chính mình có thể chuyển được hết thấy ; người thường lắm có tư-ngã, nên mới tự-tư tự-lợi dành-xé không thôi, thành ra thế-giới không an, nhân-sanh không hưởng được thái - bình thịnh-trị. Thật ra tánh người là vô-ngã ; nương theo tánh vô-ngã ấy mà hành-động hằng ngày tại được tánh công-đồng và lần lần đến tánh chân-thật của vũ-trụ, lúc

là tánh công-đồng vô-ngã. Thật-tánh của nhân-loại đã là công-đồng vô-ngã thì nhân-loại giúp-đỡ nhau, hòa-thuận nhau thì mới là hợp với bản-tánh, chứ tranh-dành chỉ là một trạng thái đau-ốm của xã-hội. Những vị đã chân-chính nhận được thật-tánh của mình, thật-tánh của hiện-sự tức là tánh công-đồng vô-ngã của vũ-trụ thì thường giữ thái-độ nhu-hòa, và phát tâm làm những việc hòa-bình an vui ; các vị đó không chút gì miễn-cưỡng, vì nhận biết tánh công-đồng vô-ngã là tánh chân-thật của mình, tánh chân-thật của vũ-trụ bản-lai vẫn như vậy, không hề thay đổi. Tánh ấy cũng là nguyên-lý của Phật-học ; người học Phật biết thật-tánh của hiện-sự là do nhân-duyên tạo thành, công-đồng vô-ngã, không có tự-tánh, nên phát-sanh được chánh-trí, phát-sanh được từ-bi, và có thể dạy đời những phương-pháp rất thích-hợp với bản-tánh của người.

3) Hiện-lượng thật-tướng. Lượng nghĩa là cân, là đo, là dùng tri-thức mà cân đo các sự vật trong vũ-trụ, nên tri-thức là năng-lượng, vũ-trụ là sở-lượng. Lượng có hai cách là hiện-lượng và tỷ-lượng.

Hiện-lượng là cái hay biết trực-tiếp, như thấy sắc nghe tiếng, toàn là hiện-tại hiển-hiện như vậy ; còn tỷ-lượng là nương theo cái hay biết trực-tiếp mà xét suy, như biết uống nước trà thì đã khát là do tỷ-lượng so-sánh nhận biết, đáng-đắn không sai. Nói tóm lại thì hiện-lượng là cái hay biết trực-tiếp, còn tỷ-lượng là cái xét biết theo lý-luận. Ngoài hiện-lượng và tỷ-lượng ra, lại còn một cách cân đo sai lầm gọi là phi-lượng tức là cái hay biết không đúng đắn.

Song hiện-lượng là cái kinh-nghiệm rời-rạc từng sát-na (thời-gian rất ngắn), từng bộ-phận nên không cùng khắp, không hoàn-toàn và phải nhờ tỷ-lượng bồi-bổ cái khuyết điểm ấy ; còn tỷ-lượng tuy cùng khắp, nhưng lại ít phần xác-thật, nên thường phát-

cho một quốc-gia, trong một thời-đại, thì người nước ấy đời ấy đồng nhận là lẽ cố nhiên bất di bất dịch, nhưng chế độ ấy vẫn có thể không thích dụng đối với nước khác, đời khác. Thế thì biết lý-lượng dễ đi xa sự thật và có thể phát sanh nhiều lưu-lệ, nghĩa là cái đo lường (phi-lượng) và gây nhiều nỗi đau khổ, (cái hay biết thông-thường và cái hay biết khoa học lỗi-lầm còn nhiều).

Song khi đã nhận được thật-tướng của muôn sự muôn vật, hiện-lượng chân-chính có thể hay biết cùng khắp không cần bàn xét, và có thể cung-bồ chỗ khuyết-hãm ấy của trí thức đối-đãi phân-biệt, không hoàn-toàn, không cùng khắp; trái lại cái trí nhận rõ thật-tướng là cái trí vô-phân-biệt, không chia-rẽ nên không đối-đãi.

Mục đích của Phật học là cốt thành-tựu cái vô-phân-biệt-trí vượt trên các đối-đãi ấy và lần lần đến cái hay biết hoàn-toàn cùng-khắp của chư Phật gọi là nhất-thế-trí. Được vô-phân-biệt trí và nhất-thế-trí thì thiết-thật chứng rõ chân-tướng của vũ-trụ, nhân-sanh, và hoàn-toàn phát huy cái tánh giác-ngộ cùng-khắp.

Vì các sự thống khổ của người đời đều do mê-làm, đều do không có chánh-trí hiện-lượng, nên Phật-học, một môn học cốt được trí-huệ hoàn-toàn, là một phương pháp mẫu-nhiệm, để trừ căn các đau thống-khổ. Người học Phật chứng được hai trí ấy rồi thì các điều mê-vọng toàn tiêu-trừ, các sự đau khổ đều hết sạch; nhưng muốn đến địa-vị ấy cần phải dùng nhiều công phu sâu-sắc mới được.

Hai đoạn trước còn có thể dùng nhờ nói mà giải-thích chữ phần thứ ba này thì phải y theo Phật-pháp thật-hành mà trực-nhận, vì có tu-lập đây công những phương pháp thích-hợp mới đạt đến chỗ tinh-yếu của Phật-học.

4. Hiện biến thật-lực. Sự sự vật vật trong vũ-trụ

này toàn tùy thời mà biến-hóa. Cái sức chủ-động làm trung-tâm cho sự biến-hóa ấy, thông-thường làm nhận là ông Trời hay Tạo-hóa, nhưng xét cho kỹ thì chính là cái lực-lượng của tâm-thức, như kinh Phật thường dạy : « Tam-giới duy-tâm, vạn pháp duy thức ».

Tam-giới là dục-giới, sắc-giới, và vô-sắc giới, tức là toàn-thể vũ-trụ. Hiện-tượng của vũ-trụ do sự đối-đãi với thân-thể chúng-sanh mà thành các hình-tượng, các hình-tượng ấy thay đổi theo sự nhận xét của ngũ-quan, như đối với con mắt ngựa, mọi vật đều lớn xấp mấy lần hơn làm con mắt người ; lại như các nhà nhận biết vũ-trụ đối-đãi đã nêu lên rằng : nếu thân người cao đến mười thước thì loài người sẽ thấy hoàn-cảnh nhỏ lại còn 1-6 mà thôi. Người xuống nước thì ngộp, cạ lên bờ thì chết, trâu không ăn thịt, mèo không ăn cỏ, những sự sanh-hoạt, những đều nhận biết khác nhau ấy đủ chứng rõ cái sai khác của hoàn-cảnh đối với mỗi thân-thể, nói cho đúng đối với sự nhận biết của mỗi thân thể, nghĩa là đối với tâm-thức. Vậy tâm là sức chủ-động biến-hóa ra vũ-trụ, và giới đều là duy-tâm.

Còn vạn-pháp tức là tất cả sự vật trong mười phương ba đời ; sự vật ấy, chúng ta làm tưởng là thiết-thiết tồn-tại ở bề ngoài, thật ra thì những sự như đi chạy, những vật như bàn ghế, đều do tâm-thức biến-hiện : chẳng nói chi những sự vật quá khứ chỉ tồn-tại nơi trí nhớ chúng ta, những sự vật vị-lai chỉ vì ức-đặc mà hóa có, chính những sự vật hiện-tại cũng chỉ do tâm phân-biệt của chúng ta biến-hiện mà thôi. Cũng như cánh chiêm-bao, trong đó cũng đủ cả nhà cửa, núi sông, cũng có thân-thể, có hành-động, nhưng chỉ là cái biến-hiện của tâm-thức chiêm-bao ; Sự sự vật vật hiện-tại đấy cũng chỉ là cái biến-hiện của tâm-thức phân-biệt, ngặt vì chúng ta chưa

tỉnh-giác mê lầm nên chưa nhận biết đường-đẫn mà thôi. Phật nhận rõ sức chuyển-biến của tâm-thức nên dạy rằng : vạn pháp duy thức ; thế mới biết cái thật lực biến-hiện ra sự sự vật vật, biến-hiện ra toàn thể vũ-trụ, toàn là tâm-thức.

Nhưng tâm-thức nào phải vật gì khác. Người người đều có tâm, vậy người người đều có thể biến hóa vũ-trụ một cách tự-tại, nếu có một lối nhận-thức thích-hợp đối với chân-tướng của vũ-trụ, và một chỉ hướng nhất-định để đạt đến địa-vị tối-cao của tâm-thức, nghĩa là đến địa-vị Phật.

Nho-học có câu : « nhân nhân khả dĩ vi Nghiêu, Thuấn ». Câu ấy rất đúng. Chúng ta muốn đến địa-vị nào, đến bậc các vị đại-thánh như vua Nghiêu, vua Thuấn, hay hơn nữa đến bậc giác-ngộ hoàn-toàn như Phật, chúng ta đều có thể tự-tại tự-chủ phát nguyện rèn tập trí-thức cho đến địa-vị ấy được.

Các nhà duy-vật lầm cho cảnh-giới hiện-tại là tự-nhiên-giới, không thể vượt qua được ; họ đâu biết sức tự-tại biến-hóa của tâm-thức vô-biên vô-lượng đã làm cho các bậc tu-hành đến nơi thấy những điều không ai thấy được, nghe những điều không ai nghe được, cho đến thay đổi hẳn một cảnh - giới này thành ra cảnh-giới khác. Nói tóm lại cái hiện-biến thật-lực tức là cái tâm-thức của chúng ta, chúng ta đều có tâm thì chúng ta đều có thể tự-tại, tự-chủ, nhằm thẳng bước lên địa vị tối cao tức là thành Phật. Và Phật-học không phải là tiêu-cực ; không phải yếm-thế, không phải là mê-lầm, mà chính là những phương-pháp đưa người đến chỗ lột cao, lột viên-mãn, nghĩa là theo gương các đức Phật, phát-hiện bản-tánh của loài người, rồi do bản - tánh mà cải-thiện toàn-thể vũ-trụ.

(sẽ tiếp)

TÂM MINH

ĐỜI SỐNG GIẢN-DỊ

Ta không cần đi đâu xa để hiểu rằng đời chúng ta chẳng giản-dị chút nào. Vừa mới về nghỉ Tết, chúng ta đã thấy, hơn một lần, những nhà cửa đầy bát đĩa như một tàng-cổ-viện, đầy cây cảnh như một gian hàng hoa. Cái vẻ mỹ-miệu của một gia-đình ấm-cúng ngày thường đã thành ra mới-mẻ, sượng-sùng như một bác nhà quê thắng bộ lên tỉnh. Trong một bầu không-khí khác thường, lòng ta cảm thấy không được thư thái như những ngày qua. Ta bòn-chồn cố sống cho đầy-đủ những ngày mà ta đã bần-khoăn sửa-soạn từ một tháng trước. Rồi xong Tết, muốn cho cái rạo-rực hơi khó-chịu ấy lắng xuống, ta phải xếp sách-vở chờ một vài tuần, để rồi đi kiếm một cơ-hội khác mà ưu-phiền, mà lo-lắng nữa.

Vì đời chúng ta là một chuỗi ngày phiền phức ; Xung-quanh ta, những tập-tục và lễ-lối phức tạp đã ràng buộc chúng ta một cách vô-lý. Tôi không có ý muốn nói đến những lễ-nghi, phong-tục, mà mỗi nước, mỗi dân-tộc cần phải có để duy-trì, bồi-đắp nền văn - hiến nước nhà. Tôi chỉ muốn nói đến những lễ-lối nhảm - nhí khó chịu, ta thường thấy trong một đám tang, một đám cưới, hoặc một ngày tế-lễ.

Nếu ta muốn được yên-tĩnh, ta cần phải tránh xa cái xã-hội phiền-phức ấy. Nhưng ta chớ vội tưởng rằng bỏ được cái xã-hội ấy, là có thể sống

ngay được một đời giản-dị. Vì phiền-phức phải đầu chi ở cách sắp đặt trong xã-hội ; chính tâm hồn, ý nghĩ ta là một mớ đồ ít giản-dị và khó giải thích nhất. Hằng ngày ít khi ta làm theo những điều ta nghĩ để tránh khỏi những việc bộn bề lôi thôi về sau. Không phải lòng người khó dò chỉ ở lúc người ta muốn làm hại, muốn lừa đảo nhau ; chính ở những trường-hợp rất thường, người ta vẫn ngoắt-ngheo đầu trước đầu sau thế nào cho ít giản-dị nhất.

Sau lúc nghỉ hè, trở lại Huế, tôi gặp lại một người bạn mà tôi đã mến. Đáng lẽ tôi phải vồn-vã đến hỏi chuyện bạn tôi, thì chẳng hiểu vì cơ gì, tự nhiên tôi muốn dừng-dừng với người bạn ấy. Bạn tôi cũng không kém tôi, và cứ thế chúng tôi không chào hỏi nhau trong một tháng đông-giã mà mỗi ngày tôi coi như một thế-ký.

Cho đến đúng một tháng, - tôi còn nhớ rõ cái ngày rằm tháng mười tây ấy, - tôi tự bảo « Đúng một tháng rồi » và tự-nhiên tôi bắt đầu chào-hỏi và nói chuyện với bạn tôi.

Thật là khó hiểu và phức-tạp quá. Việc gì tôi phải chờ đúng một tháng không hơn không kém để làm mất hẳn ba mươi ngày nói chuyện vui-vẻ, và để mỗi đêm tôi băn-khoăn tự thẩm hỏi người bạn ấy nghĩ thế nào về tôi.

Một ví-dụ còn-con ấy cho ta biết một ý nghĩ phức - tạp không khi nào làm cho ta yên - tĩnh. Huống hồ cái đặc-diểm của loài người là ý-nghĩ, và không bao giờ người ta chịu nghĩ giản-dị.

Nầy giờ chúng ta nói chuyện về giản-dị, hình như có ý phân chia nó ra làm hai hạng : cái giản-dị của bề ngoài và cái giản-dị của tâm hồn.

Thật ra giản-dị chính là một trạng-thái của tâm-hồn hơn là một đặc-tính của mọi cách xếp đặt hay cử-chỉ dễ nhận thấy.

Nếu ta biết chắc chắn rằng một cái nhà lộng lẫy, bàn ghế chạt ních, sập gụ, tủ khảm, cau đối, đồ cồ, bình sứ, chậu hoa, v.v. là một cái nhà không giản-dị chút nào, thì ta hơi ngờ mà tự hỏi rằng trong ba người mà ta vừa gặp ngoài đường — một người sang-trọng lái một cái xe hòm, một người từ té chễm-chện trên chiếc xe tay nhà, và một người nghèo-khó đi bộ trên đường đá — người nào giản-dị hơn.

Người thứ ba vị-tất đã là người giản-dị nhất. Người thứ nhất có thể không nô-lệ cho sự giàu-sang của mình. Người thứ hai có thể không thêm muốn chiếc xe hơi sang trọng của người thứ nhất và không bĩu môi khinh-dể người gánh củi đi trên đường. Và người thứ ba, với manh khố rách là chiếc áo độc nhất, chân mềm trên đá cứng, biết đau không hằn-học ghét cay ghét đắng cái giản-dị, cái đời cần-lao của mình, thêm muốn cái xe nhà của người nọ, ganh tị cái xe hơi của người kia, và chỉ mơ sống một cuộc đời khoái-trá và nhàn-rỗi.

Như thế thì giản-dị không phải là bề ngoài dễ nhận thấy. Một bộ cánh tời tàn đến đâu cũng không phải là chứng cớ chắc-chắn của sự giản-dị. — Trong đủ các hạng người, có kẻ giản giản-dị và có kẻ không.

(Trong những kẻ ít giản-dị nhất, ta nên kể hạng người ăn xin thực-thụ cảm-hồn đủ mọi người khác, hạng ăn nhờ ở gửi thường thường tự-phụ lá nhân, và nhất là những người hà-liện).

Không có một giai cấp nào có phương-liện riêng để trở nên giản-dị. — Và chúng ta nên nhớ rằng dầu ở một trường-hợp lời-thôi đến thế nào, trong những hoàn-cảnh khó xử nhất, ta vẫn có thể nhẹ nhàng đứng ra ngoài với tâm-hồn bình-tĩnh của ta : Lúc nào ta cũng có thể giản-dị (trừ lúc ta làm quảng-cáo cho một hiệu thuốc, hoặc viết cho một tờ báo hằng ngày).

Nhưng, nếu giản-dị không phải là cái hào-nhoáng bề ngoài, thì giản-dị cũng không phải là quá thô-sơ, quá mộc-mạc. — Tôi còn nhớ trong kỳ thi tú-tài năm 1940, cái đầu-đề một bài luận pháp-văn : « Nếu anh được phép chọn thế-kỷ, thì anh ưng sống thế thế-kỷ nào ? »

Có người ưng sống thế-kỷ nhân-đạo thứ mười tám — Có người ưng sống thế-kỷ lãng-mạn thứ mười chín — Có người sâu sắc hơn, ưng sống thế-kỷ sau cùng, chưa đến, nghĩa là lúc khoa-học đã đem nhân-loại lên một trình-độ cao hơn hết. Nếu những người này đã lầm, quá tin ở khoa-học và tưởng khoa-học có thể đem lại cho ta cái sung-sướng tuyệt-đối, thì có nhiều người khác, không kém về sâu sắc, ưng sống thế-kỷ đầu tiên, lúc người ta không cần quần áo, không cần nấu ăn, không khó nhọc làm nhà cửa, không bị một giây liên lạc gì của xã-hội trói-buộc, nói tóm lại, cái đời mà họ cho là ít phiền phức nhất.

Lẽ cố nhiên là những người ấy được một số điểm khá vì bài họ có ý riêng và hương-vị của sự ngộ-nghĩa. Nhưng đứng về một phương-diện khác, ta tự hỏi đời ấy phải chăng là đời giản-dị, cái đời mà người ta phải ngày ngày cúi cổ lạy từ cái sấm đến cái chớp luôn luôn lo lắng chống với thú dữ, với đồng-bào, cái đời mà người ta chỉ biết đếm từ một đến bốn năm và từ sáu, bảy trở lên, đành chịu gọi chung một tiếng là « nhiều lắm ».

Vậy thi giản-dị không phải là đi về cái mộc-mạc đầu tiên và phí bỏ kỳ công của khoa-học. Giản-dị không phải là gấu dùng cây đèn dầu, ngọn bằng hạt đậu, lúc xung-quanh ta, ánh sáng của đèn điện là một đồ dùng dễ-dàng và rẻ tiền.

Nhưng giản-dị cũng không phải là tự buộc mình theo một phong-trào sôi-nổi, tự-ý muốn làm nô-lệ những sáng-kiến kỳ-quái về một cái mũ, hoặc một chiếc cravate, hay một bộ áo-quần. Giản-dị không phải là tổng-khứ tất cả các đồ-đặc trong nhà (mà mỗi cái nhắc lại cho ta một kỷ-niệm êm-đềm lúc ta còn nhỏ tuổi) để thay thế vào đó những bàn ghế tân thời trơ-trên chẳng có dấu tích gì của cả thời xưa. Vì một lẽ ấy, cái bàn thờ cũ-kỹ trong một gian nhà nhỏ, nó cảm hóa ta dễ-dàng hơn mấy bức vẽ xinh treo lệch trong một căn phòng rộng-rãi xa-hoa.

Chúng ta chớ nên lầm tưởng cứ đi ngược lại là mỗi ngày một giản dị. Nếu giản-dị là một trạng thái của tâm-hồn thì giản dị cũng là một đức tính có tương-quan mật thiết với thời-gian.

Bây giờ không còn là đời thượng-cổ để cho

vua Nghiêu mời Hứa-do ra nhường thiên-hạ nữa — Và một Hứa-do tàn-thời ra bến Trường-ninh rửa tai hoặc một bác Sáo-Phủ ngó ngần dắt trâu lên tận Kim-long cho trâu uống, sợ nước rửa tai làm bẩn miệng trâu mình, chỉ là một trò cười cho thiên-hạ.

Trong tập chuyện ngắn « Sợi-Tóc » của Thạch-Lam, ta thấy một cô tinh-nhan quá mộc-mạc đưa tặng một cậu học trò giữa đường phố và trước mặt anh em bạn hai bắp ngô ở nướng và bảo rằng : « Anh hãy cầm lấy mà ăn » ! Hoặc ngày mùng năm tháng năm - chứ không phải ngày lễ sinh-nhật — tặng chàng một lá bùa tui, thêu quả đào, quả ớt sặc-sỡ !

Cái cử-chỉ của cô gái ấy là dư-âm của một thời qua. Nó chỉ nên thơ cái thuở chàng là một thư-sinh phong-nhã, còn áo rộng xanh, còn quần lụa bạch, hải cò, đai hồng, và nàng là một bóng hoa đồng ruộng với yếm thắm giải đào, răng đen nhưng nhúc.

Một cử-chỉ có giá-trị chỉ trong một thời-đại. Cái giản-dị của đời trước có thể là một sự ngộ-ngần đời này.

Ta tóm tắt lại, giản-dị và xã-hội, giản-dị và tâm-hồn, giản-dị và khoa-học, giản-dị với thời-gian, thật cái giản-dị nó chẳng phải giản-dị một chút nào, và nếu thế thì giản-dị là một đức tính khó kiếm.

Nhưng khó không phải là không làm được. Điều cần nhất là ta phải tìm đến cái nguồn gốc của các ý-nghĩ, việc làm phức-tạp của ta.

Cái nguyên nhân của sự phức-tạp ấy, quan-hệ nhất có lẽ vì chúng ta đã làm-lấn cần-thiết và phù-phẩm (tôi muốn nói *essentiel* và *superflu*).

Nếu lúc đầu văn-chương đã khôn-khéo, đã nhẹ-nhàng diu-dắc một ý nghĩ sâu xa, thì dần dần về sau, nếu ta gắng phân-tích những lời văn hoa chải-chuốt của người này, hoặc hùng hồn mạnh-mẽ của người kia, ta sẽ thấy cái làn da hào-nhoáng ấy nó chỉ bọc một bộ xương mềm nhũn không có giá-trị gì.

Ông chương-lý của Nhất-linh trong « Đoạn-tuyệt » chỉ bị-cáo-nhân là Loan mà bảo rằng : « Người này đã giết, tay người này đã nhuộm máu và hơn nữa đã nhuộm máu một người chồng...! » Thật ra, với một câu hùng hồn, ông chương-lý chẳng viện được có gì dè buộc tội cả.

Hằng ngày trong báo-chương, trong tòa-án, những sự làm lấn cớ-ý như thế không phải là hiếm.

Chẳng phải chỉ ở lời nói, đời ta hoàn toàn dẹt bởi những tập-quán phiền-phức, phần nhiều gây nên vì sự tiến bộ của khoa học. Ta đã thành nò lệ chúng và làm tưởng rằng đời chúng ta chính là những sự phiền phức ấy. Cặp chân trời sanh ra để đi, ta đã cho chúng là một thứ đồ phụ tùng, và đỡ nâng xe-cộ — nghĩa là những thứ phù-phẩm mà khoa-học đã tạo ra để giúp người già yếu tàn tật, hay thay thế cho cặp chân trong những trường hợp khó-khăn — ta đã nâng xe-cộ lên ngang hàng với những sự cần thiết khác. Người ta đã làm lấn

coi sự đi chân là một điều xấu xa cho đến nỗi có người không lúc nào lê nổi một vài cây số.

Cũng do ở lẽ ấy, thường ta hay tỏ ý khinh-miệt những bần phận hăng ngày của ta và thêm-muốn các công việc rục-rờ của kẻ khác. Ta biết đâu rằng chính rục-rờ là đặc-điểm của những tâm-hồn phiền-phức.

Cần thiết và phù-phiếm ! Việc đầu tiên của chúng ta là phải phân tích chúng ra để bớt cho sự nhu cầu chúng ta những tập-quán đáng ngại về sau.

Nhưng biết phân tích chỉ là một phần nhỏ, vì có can-đảm đề dần bước trên con đường sáng là một trợ-lực thứ hai trong công-việc của ta.

Nếu phần nhiều chúng ta phải bó tay vì lười biếng (chỗ này chúng ta chỉ nói qua, vì đó là một điều mà ai cũng biết và ai cũng có trải qua ít nhiều) thì có một hạng người vui lòng bó tay vì cái tính kiêu-ngạo của họ. Ở đây ta không thể kể hết các tập quán phiền phức ở những gia-đình trưởng-giả hoặc quý-phái. Người ta không chịu dùng một cái chén hơi mẻ, một miếng trầu têm không khéo. Mọi công việc trong nhà đều sắp đặt theo một lễ-lối cồng-kính tỉ-mỉ để cho khách vào nhà biết mình là đồng-giới thế-gia.

Không nghị-lực và kiêu-ngạo — Hai trở lực ấy khiến ta ngại-người nhớ đến các phương-pháp giáo dục mà hai đức tính ấy là kết-quả.

Thật là giản-dị quá, nếu giáo-dục chỉ là nhất nhất đề ép cử chỉ trẻ thơ vào một khuôn-khổ sẵn, dưới bóng ngọn roi, hoặc lúc lớn lên, uốn nắn ý

nghĩ nó theo đúng với ý nghĩ của mình và trút hết cái óc buồn bán khuếch-trương, hoặc khuynh-hướng về chính-trị, đạo-giáo, mỹ-thuật của mình cho nó.

Cái phương-pháp giáo-dục ấy giản-dị biết bao và chúng ta sẽ giản-dị biết bao. Nếu giản-dị nghĩa là hoàn-toàn mềm yếu, hoàn toàn cổ hủ, ngầy ngầy chỉ là một vai thụ-động trong tuồng đời.

Nhưng có người cho đó là một phương-pháp giáo-dục chưa được giản-dị — Với họ người con lúc nhỏ phải là tất cả vũ-trụ đối với mọi người trong nhà. Nó chỉ phải lắc đầu một cái, hoặc khóc lên một tiếng đã thấy được hài lòng. — Lúc lớn lên nó có quyền mọc như một cây rừng với tất cả năng-lực cá-nhân tiềm-tàng ở trong nó.

Cái giáo-dục ấy, thiết-tưởng nó giản-dị quá, cho đến nỗi không phải là giáo-dục nữa.

Và kết-quả của hai phương-pháp giáo dục ấy là chúng ta : Người thì bị vào khuôn khổ từ lâu dễ không còn một nghị-lực, một sức mạnh nào mà ra khỏi cuộc đời phức-tạp, người thì bị cho mẹ quá nâng niu dễ chịu suốt đời làm nô-lệ sự phù-phiếm.

Gần đây các phương-pháp giáo-dục đã xoay chiều. Nhưng hiện nay chúng ta chưa hẳn đến một phương-pháp giáo-dục khác, ta hãy tìm cách tránh cho ta mọi nỗi phiền-phức ở đời, để sống giản-dị.

∴

Phong-trào hướng-đạo tràn ngập ở xứ ta. Ta

cảm thấy đó là một trường học giản-dị. Những buổi chiều thanh, những đêm trăng nhẹ, trong khi người khác khổ-sở trong quân bài lá bạc, hoặc trong các thú vui chật hẹp và thấp hèn, thì phóng khoáng và trẻ trung, hưởng đạo-sinh ca hát dưới bóng thông reo hay nhắm mắt nếm một miếng cơm vừa khô vừa nhão tự tay mình nấu lấy. Sau một ngày làm việc khó nhọc, đêm lửa trại, họ vui mừng ngắm ngọn lửa nhảy-nhót trong cặp gương anh đội-trưởng và lòng họ nâng lên như muốn hòa cùng cây cỏ xung quanh. Một mối tình bao la và nhẹ nhàng tràn ngập tâm-hồn họ. Cái sung-sướng vui mừng nó mới giản - dị làm sao.

Buổi tuyên lời hứa - trước nước non nhà và trong mùi nhựa mạ h của ngàn thông - đã đem lại cho họ mười điều luật, họ đã tìm thấy đời mới.

Nhưng trong những ngày vui tươi đầy đủ ấy, nhiều người vẫn thấy lòng mình nhiều khi trống-trải. Cái giản-dị mà ta đã kiếm được, nó tầm thường quá; tâm-hồn ta còn đòi hỏi một cái gì cao quý hơn. Những lời hứa ấy chỉ cho ta thành một người của xã-hội, nhân-tử và bác-ái. Nhưng trước hết, ta vẫn là của ta và ta có thể khắc-khoải đợi chờ một cái gì mà giản-dị thực-lẽ không thể nào giải-quyết được.

Thì đây, trên con đường mới, ta cũng có mười điều luật, nhưng thiêng-liêng hơn, cao-quý hơn, nó làm cho ta được hài lòng. Ta hãy nhớ đến sáng ngày nào, hương trầm phảng-phất hấp-dẫn hơn nhựa mạnh của ngàn thông, Đức Phật từ-bi

và trầm-tĩnh quyền dũ hơn tất cả núi sông góp lại.

Những lời hứa gần giống nhau, nhưng đứng về phương-diện Phật-tử, ta thấy lòng ta nhẹ-nhàng se lại, như góp tất cả lực-lượng để đi vào một con đường khác, xa hơn, rộng rãi hơn, đủ sức chứa-chứa những tâm-hồn hết sức băn-khoăn phức-tạp, để lọc lại, và làm thành những tâm-hồn yên-tĩnh và giản-dị nhất đời.

Có người bảo, hễ nhúng vào một tôn-giáo, một luật-lệ là tự buộc mình vào những cái không đâu ; sống mạnh-mẽ, sống tự-do là sống giản-dị nhất. Nhưng ông Wagner — một nhà văn đạo-đức có tiếng bên Pháp đã nói : « một con thuyền không buồm, không lái ở giữa biển rộng làm thế nào mà tự do bằng một con thuyền khác vì tự nó, nó không đủ sức dẫn mình quá phong ba, bão-táp ». Ít bóng-bẩy hơn, ta tự hỏi, ai là người sống bập-bênh hơn, giữa một người có lý-tưởng, có nghị-lực, và một người thả mặc cho ngày trôi theo giòng sống cũ.

Cuộc đời có một nghĩa-lý và giản-dị hơn hết có lẽ là hiểu được cái nghĩa-lý của cuộc đời.

Chúng ta hãy sung-sướng hơn lúc trước vì đã biết gắng đem lại cho đời chúng ta cái nghĩa-lý ấy.

HOÀNG-KIM-HẢI

Trong đoàn Phật-học Đức-Dục

U'U-ĐÀ-DI

(Tiếp số 54)

Về cung Uu-đà-Di tìm hết cách để làm cho Thái-tử vui. Trước vẻ hồn-nhiên của người con gái ấy. Thái-tử không thể buồn được nữa. Ngày nào Thái-tử cũng cùng với nàng cỡ ngựa đi dạo trong khu vườn rộng thênh-thang. Bên cạnh những đóa hoa tươi sắc, những lá biếc xanh-xanh biết bót bằng tiếng chim. Vợ Thái-tử là bà Di-Di-Đi-La rất yêu mến nàng và nhờ nàng bày vẽ những điệu hát những bài đàn cho hai con bà. Uu-đà-Di lấy những lời rất dịu-dàng để khuyên bảo như chị với em. Đối với những người hầu hạ lúc nào nàng cũng tỏ ra là một người vừa nhã-nhẫn vừa khoan-dung. Nàng lại đem lòng yêu mến tất cả những người xung quanh nàng. Nàng lại biết tự tay đi hái những lá thuốc để chữa bệnh cho những người ở bên nàng trong cơn nguy-hiểm.

Nhưng ở đời kẻ được nhiều người mến chuộng thì lại làm tăng phần căm tức ghen tuông của những kẻ tiểu nhân. Cũng may ở trong cung chỉ có một người ngầm ghét Uu-đà-Di mà thôi, người đó là một cung tần tên là Sai-A.

Một bữa Uu-đà-Di vào phòng mình thấy quần áo treo trên móc đều bị con gi nhấm thủng cả mà căn phòng cao ráo ấy làm gì có dấn hay chuột. Hôm khác nàng thấy cây đàn tự nhiên đứt mất mấy dây nàng phải nhọc công một buổi để buộc dây cho đúng điệu. Có hôm nàng sẵn-sắc chậu hoa quý định đem bày ở phòng đọc sách của Thái-tử. Buổi sáng hoa ở chậu vừa nụ xinh tươi, thế mà chiều đến nàng phải khóc vì không thấy hoa ở trên

cánh nữa. Ưu-đà-Di đoán có ai ngấm hại mình, nhưng nghĩ mãi cũng chẳng biết là ai, vì, trong cung mọi người đối với nàng đều tử-lễ cả. Nhưng trong khi nàng không biết ai ngấm hại mình, Sai-A lại càng nghĩ-ngợi những mưu kế ghê gớm để ngấm hại. Nhưng, hẳn không ngờ làm một việc dữ chưa chắc hại nổi ai mà mình lại bị đều dữ đến ngay.

Một tối hẳn biết thế nào Ưu-đà-Di cũng ngủ rất say vì nàng phải đàn khuya, hẳn bèn sai một đưa tớ rất trung-thành của hẳn lên vào phòng của Ưu-đà-Di theo lời dặn cẩn-thận của hẳn.

Ưu-đà-Di thêm-thiếp ngủ trên chiếc nệm trắng tinh, đôi tay nho-nhỏ của nàng trong giấc ngủ vẫn không rời cây đàn chín dây. Con chim xinh xinh đang đậu ở đầu giường. Cái dáng-diệu ngủ đáng yêu và vô-tội ấy ai nỡ đứng trước mà nghĩ đến những chuyện giết hại được.

Lúc ấy con hầu của người ~~cung-lân~~ vừa đến bên người linh canh ở trước phòng của Ưu-đà-Di. Nó toan lấy thuốc mê ra bỏ theo ~~tờ~~ ~~dẫn~~ của Sai-A nhưng nó lại ngẫm-ngĩ : anh này say ngủ như chết, có bỏ cũng phí, để lát nữa ta bỏ cho có bề này cho nhiều, càng nhiều càng mê lại càng dễ hành động.

Nó mỉm cười, mắt cả lo lắng từ trước, bước ngang người anh linh hầu ngủ lẩn trên đất. Nó mở cửa lên được vào phòng Ưu-đà-Di con chim thấy động kêu riu-rít và đến mổ trên tay người con gái đang ngủ. Nhưng vì nhọc Ưu-đà-Di say mê như không biết gì. Con hầu của Sai-A tức khắc rút một ít thuốc rây lên mặt nàng và đưa tay xua đuổi con chim. Chim sợ sệt bay lên ở một góc phòng, nhưng nó vẫn kêu lên riu-rít. Con thị-tỳ lại rút trong túi một cái hộp con. Nhưng tay nó dừng

phất lại. Trước khuôn mặt hiền-từ đang nằm ngủ say, nó cảm như đứng trước một vật gì rất trong sạch, rất quý báu, nó muốn ôm chầm lấy để thủ tất cả tội lỗi. Nó quay đi không nỡ làm hại con người đang ngủ ấy nữa. Ngược nòng Ua-đa-Di nhẹ lên xuống hình như nòng đang ngủ một giấc vô cùng êm-ái. Nhưng con thị-tý quay lại sức nhớ phần thưởng của Sai-A hứa cho nó. Đồng tiền bao giờ cũng có một sức mạnh xui giục người ta dễ làm bậy. Phần vì ham tiền thưởng, phần vì sợ nếu không được việc sẽ bị chủ hành hạ, con thị-tý mồm miệng quay vào. Nó quả quyết rút cái hộp ra. Nếu nó lanch tay một tý thì người con gái hiền-hậu kia không còn ở trên đời này nữa ; nhưng tay nó run lật bật, một con rết trong hộp đang lè ròi trên mình Ua-tà-Di, lại cứ búa lấy miệng hộp rồi bò thẳng theo lên tay nó, nó khiếp sợ quá thét lên, lúc ấy tên lính hầu vừa tỉnh giấc và con hầu của Uu-đa-Di ở phòng bên cạnh nghe tiếng rú chạy vào. Con nữ-tý của Sai-A không tài nào thoát khỏi. Trong lúc kinh-khủng nó thủ cả tội lỗi. Không mấy chốc nó bị điệu cõ vào nhà giam xét hỏi và những viên lương-y đã đến để giải thuốc mê cho Uu-Đà-Di. Cơ mưu của Sai-A bị liết-lộ. Vua tức giận lắm định đem giết kẻ làm việc ác đức ấy đi cùng với tên thị-tý đã giúp việc cho hắn. Uu-đa-Di được tin ấy động lòng thương hại xin cho những kẻ kia được nhẹ tội. Lắm lòng nhân đức của nàng, tuy phải lù-lội, nhưng tránh được cái chết, lấy làm ăn năn tội ác của mình, từ đây thế sẽ chữa lại tâm tánh. Còn những kẻ ở trong cung càng mến yêu người con gái nhân đức kia.

Hết cái nạn ấy, Uu-Đà-Di được sống vui-vẻ bên cạnh thái-tử. Thường thường hai người cùng đánh cờ, cùng đọc sách, cùng họa đàn. Thật là đôi thiếu niên sung-sướng trong đời này vậy. Tuy thế có

những việc xảy đến mà không bao giờ người ta ngờ có được ; hôm ấy đoàn ngựa của nhà vua lại ung-dung kéo ra cửa thành phía đông. Mặt trời quang đặng trên con đường phẳng. Đoàn ngựa chạy dưới bóng hai hàng cây kề kề lá xòe ra như những cái quạt lớn. Qua những thân cây ấy, thái-tử nhìn thấy những người làm ruộng mình trần truật-trụi cùng với những con trâu hi-hục cày bừa trên những thửa ruộng lầy lội. Một luồng gió mát thoảng qua, thái-tử bất giác nghĩ đến cái khodì trá trên mình ngựa dưới bóng cây dầm mát và cái cảnh lam lũ của những người làm ruộng, kia dưới nắng mặt trời. Cảnh tượng ấy, thái-tử đã gặp từ năm còn nhỏ trong một cuộc dạo chơi với vua cha. Thì ra lòng thương xót của người không theo thời-gian mà thay đổi. Cảnh-tượng ấy vừa qua, đi được một lát, đoàn ngựa gặp phải một vật gì lù-lù nằm choãn cả lối đi. Một tên thị-vệ tâu :

Bẩm thái-tử cho tôi đến trước, xem vật gì nằm choãn ngang đường. Nói đoạn hần phi ngựa chạy đến trước. Lúc thái-tử cùng bọn hầu đến gần thì thấy người thị-vệ đã xuống ngựa hất cái vật kia qua một bên đường. Một vật ấy cứng đờ như một khúc gỗ.

Bẩm thái-tử, thấy một kẻ chết, nó vừa nói vừa vọt lên ngựa định theo thái-tử nối tiếp cuộc đi chơi, nhưng thái-tử gò cương lại nhìn cái xác chết mà ruồi nhặng đương tha hồ đục khoét, Thái tử thấy lòng se lại, ngồi nghĩ se lại, ngồi nghĩ đến đời sống của con người thật là khổ : suốt đời chỉ thấy lo lắng báng-khuảng, bệnh-hoạn, già nua, chết chóc, nghĩ vậy Thái-tử không thiết đến cuộc đi chơi nữa. Những thị-vệ trông thấy Thái-tử trở lại buồn rầu, lo-quá. Chúng bèn bàn nhau đưa Thái-tử về hoa viên rồi vào mời Ưu-Đà Di ra khuyên dỗ giùm Thái-tử. Ưu-Đà Di vội-vã ra vườn. Nàng thiết tha như

một nàng tiên trong cảnh bồng lai. Tuy vậy, Thái-tử vẫn điềm nhiên ngồi trầm tư bên một gốc cây. Ưu-Đà-Di lại gần ôn-tôn :

Thưa Thái-tử, có phải hôm nay Ngài buồn vì như lời thị-vệ nói ngài đã gặp những cảnh thương tâm chăng? Nếu vậy sao Ngài không nhân trời tối này đi dạo cho khuây khỏa lại cứ ngồi giữ kín mỗi sầu làm vậy? Hay là tại lỗi tôi không kịp theo hầu thái-tử, xin thái-tử cho biết.

Thái-tử Thích-ca vẫn điềm nhiên ngồi không đáp.

Thưa Thái-tử, Ngài không nhớ một hôm trong vườn hoa, ngài đã bảo tôi là em gái ngài, tôi có những nét mặt giống với hoàng-hậu đủ làm Ngài vui sao?

Thái-tử nhìn thấy đôi mắt long lanh sáng của người con gái quì trước mặt, ra lệnh cho nàng đứng dậy.

— Tôi không muốn nàng biết nỗi buồn của tôi, bởi nàng cũng giống như những đóa hoa vô-tư kia.

— Thưa Thái-tử, những đóa hoa kia cũng biết buồn rồi đó, hôm nay tôi thấy hoa nào cũng ú rũ cả, như thế không thật sao?

— Hoa nào lại có thể giữ màu sắc được bền lâu.

— Thưa Thái-tử đời người cũng như vậy, ới lại không đau ốm, bệnh tật và chết.

— Nhưng cái chết của cây cỏ không máu mủ không thịt xương, còn con người, con vật đến lúc bệnh hoạn có khi làm cho không ai có thể đứng gần bên được. Vì vậy tôi biết người sinh ra là khổ nên tôi muốn tìm cách để trừ cái khổ ấy đi. Tôi đã tìm hết cách tiêu khiển. Có cái gì tôi muốn mà không được. Thế mà cách để yên vui tôi vẫn tìm mãi mà không ra là nghĩa làm sao? Mà làm

tao ta yên vui được lúc ta nghĩ đến đời no ấm xa hoa của ta như thế này mà bên cạnh ta biết bao nhiêu người khổ sở lẫn lóc ốm đau, già nua, bệnh hoạn.

Ưu-Đà-Di không biết phân giải thế nào bèn đến qui bên Thái-tử nét mặt rầu rầu. Lúc ấy Thái-tử nhận thấy vì mình mà những người xung quanh phải khổ lây, gượng cười đứng dậy, cùng Ưu-Đà-Di đi dạo quanh vườn. Những người hầu từ này đến giờ lo ngay ngáy, sợ nếu Thái-tử còn buồn thì mình sẽ bị vua cha quở mắng, lúc bấy giờ cũng tươi lên. Chim chóc từ bốn phía vườn bay lại hòa thành khúc nhạc rất vui. Những hoa huệ bỗng vươn mình lên trắng xóa khắp làm cho những hoa bướm khác tăng phần rực rỡ.

Tuy cố gượng vui nhưng nét mặt trầm-tu của Thái-tử, nhiều lúc vẫn lộ ra không dấu được. Vua lại hết cách để làm cho Thái-tử khuây. Đàn hát xướng ca không lúc nào ngớt. Tuy vậy hình như không có kết quả gì mấy. Một hôm vua cha bảo Ưu-Đà-Di :

— Từ nay con hãy chiêu chiêu hầu thái-tử ra vườn hoa cửa bắc mà ta vừa mới lập xong. Con sẽ mỗi ngày một thức áo xinh đẹp để cùng với những cảnh vật thiên nhiên ở đấy làm vui cho Thái-tử vì ta chắc không ai có thể bằng con giúp ta trong công việc này. Những đình tạ hoa nước trong vườn kia không phải chỉ riêng cho Thái-tử, đó là phần thưởng ta tặng con đó để chung vui cùng Thái-tử.

Chiều ấy song song trên mình ngựa Thái-tử Thích-Ca và Ưu-đà-Di đi trước một đoàn thị-vệ áo hầu rực-rỡ. Ưu-đà-Di chỉ những màu sắc tươi đẹp ở một bụi cây, trên một nước, hay ở một khoảng trời lần lượt hiện ra hai bên đường. Thái-tử Thích-

Cả luôn luôn mỉm cười nhưng trong đôi mắt vẫn phảng phất một nỗi buồn rầu không dứt được.

Vườn hoa cửa bắc của vua Tịnh-Phạn là một vườn hoa đẹp nhất xứ Ấn-độ. Trong vườn có cả các thứ cây quý hoa lạ ở các nơi đem đến. Những giống chim giống thú ở các miền xa, những đường lối sạch sẽ như mặt bàn trải thảm, những nệm cỏ xanh tươi, những hồ nước trong leo - lẻo in bóng, những đỉnh tạ nạm vàng nạm ngọc chói lóa như ánh sáng.

Đi vào vườn không thể lấy mắt mà đếm những màu sắc trong ấy của hoa thú trong ấy. Đến bên cạnh hồ da thịt mát rượi Hương lên nồng-nàn. Người ta tưởng các thứ nước hoa Ấn-độ đều là lấy ở đó ra. Nói tóm lại, như chất lọc ở khu vườn này tất cả cái tinh túy của vũ-trụ thần tiên.

Tuy vậy, Thái-tử cũng nhìn qua loa cảnh vật rồi tìm một gốc cây ngồi nghỉ và bảo những người hầu đem Ưu-Đà-Di đi dạo các nơi. Mọi người đang dự-dự, Thái-tử phải quả quyết.

— Các người phải vâng lời cho ta vui. Ưu-Đà-Di nàng hãy đi dạo đi chỉ vì chỗ này mát mẻ nên tôi ngồi đây một lát, tý nữa tôi sẽ theo,

(sẽ tiếp)

PRATIQUE DE LA MÉDITATION

(suite)

II

Observation des sensations et émotions

Ensuite, observer les sensations qui s'élèvent en soi-même. Les analyser avec calme, dire : « il y a ici une sensation plaisante ou déplaisante ».

Éliminer l'idée d'un « moi » séparé, possédant corps ou sensation. Observez vos sensations en pensant :

Il y a ici une (plaisante (augmentant
(ou (
sensation (déplaisante (diminuant
conclure « ce n'est que cela ».

Il faut réaliser qu'il n'y a (en fin ultime) aucun moi séparé qui possède ces corps. — Le votre, le mien, ou tout autre, et qui dirige leur fonctions. Ceci mène l'esprit vers un état de libération.

De la même façon, examiner les émotions ou sentiments, qui se lèvent, augmentent, diminuent, conclure « ce n'est que cela ».

III

Observation de champ mental

✓ Ayant observé ainsi les sensations, il faut ensuite observer impersonnellement les pensées agréables ou désagréables, nuisibles ou bienfaisantes qui se lèvent, augmentent, diminuent, se dire :

« Ici il y a une pensée de haine qui se lève, augmente et diminue ».

« Ici il y a une pensée noble qui se lève, augmente et diminue ».

« Les pensées ne sont que cela » dit-on des pensées passagères.

Ainsi on s'entraîne à observer avec attention :

1. Le corps (la respiration comme fonction du corps).
2. Les sensations (ou émotions).
3. Les pensées.

qui constituent trois des quatre sujets d'attention fondamentale.

A chaque instant nous devons nous entraîner à penser impersonnellement, pour devenir capables de voir les choses comme elles sont en réalité, indépendantes par nos limitations, notre personnalité, nos préjugés, se rendent compte que :

Le corps est une partie de la masse entière, de matières de l'univers.

Les pensées sont une partie du processus général de l'univers

Quand nous sommes arrivés à cela nous perdons notre sens de séparativité, nous dépassons notre personnalité.

IV

Observation des empêchements qui se trouvent dans le mental

Observer impersonnellement les pensées, qui empêchent la méditation et entretiennent la notion de séparativité.

Le désir, Le mauvais vouloir, La paresse

Les pensées harcelantes. Le doute (sur l'enseignement, le Dharma).

Faire cesser les pensées indésirables, nuisibles, en suscitant une pensée opposée) ne pas se blâmer, mais détourner son attention. Penser : « Je fais cesser cette pensée dans l'univers » non pas « Je fais cesser cette pensée en moi ».

Noter maintenant la présence de bonnes pensées dans votre esprit : l'attention, l'idée de l'étude du Dhar-

ma, l'énergie, la compréhension, la tranquillité, la concentration, la sérénité.

Noter aussi leur absence. Dire : « Une pensée bienfaisante s'élève, augmente diminue, ou fait défaut ».

Le Dr Fernando conclut :

Pour le Bouddhiste, seul est Réel ce qui persiste :
Le permanent.

Voilà pourquoi le Bouddha dit que l'univers visible (ce que nos sens enregistrent) n'est qu'un flux perpétuel de phénomènes, donc les agrégats matériels sont irréels, car instables et impermanents, toujours en état de devenir. Toutes nos sensations, émotions et pensées sont transitoires.

Nos personnalités impermanentes ressemblent à des mirages.

CHAPITRE XII

Le « moi »

La cause de la souffrance est le désir égoïste et rien d'autre. Car tous les êtres veulent ériger un « moi » personnel en opposition à l'immense vie dont ils font partie. Ils veulent travailler, désirer et vivre, non pas pour le bien de l'humanité et la somme totale des êtres, mais pour ce « moi » qu'ils imaginent une chose à part, séparée de l'Univers.

Ainsi en opposition avec la vérité, la souffrance les suit à travers les existences, jusqu'à ce qu'ils aient appris la plus haute leçon, de la vie. Jusqu'à ce que rejetant le « moi » séparé des désirs ils vivent et travaillent pour la vie universelle.

Au fur et à mesure que les hommes abandonnent cette idée de « moi » qu'ils réalisent leur unité avec toute vie, et qu'ils travaillent à améliorer la vie de tous, ils avancent vers la fin de la souffrance.

« Les existences ne sont que des vagues sur l'Océan de la vie Une ».

Méditation sur le « moi »

I

Examen du Moi

Le méditant cultive d'abord la vision pure pour comprendre les choses telles qu'elles sont. L'esprit concentré il s'examine ; cet examen pousse assez loin lui permet de découvrir que sa personnalité son « moi » n'est rien qu'un composé d'esprit et de matière. Le premier constitue par les activités volitionnelles qui se lèvent comme résultat des sens venant en contact avec les stimuli des sens ; la seconde (la matière) composée des forces et des qualités se manifestant dans les phénomènes multiples.

II

La cause du Moi

Ayant atteint la vue juste de la nature réelle de son être, libéré des notions fausses sur l'esprit et la matière, il entreprend l'étude de la cause de ce moi personnel et il comprend que toutes les choses du monde lui-même compris, sont conditionnées par quelque cause ou causes, passées ou présentes et que l'existence est due à l'ignorance dans le passé, le désir avide, l'attachement, le Kamma et la nourriture physique, de la vie présente. En raison de ces cinq causes, cette personnalité s'est élevée et comme les activités passées ont conditionné le présent ; ainsi le présent conditionnera le futur. Méditant là-dessus, il dépasse tous les états de doutes et il comprend que toutes choses conditionnées sont transitoires sujettes à l'impermanence (anicca) sujettes à la douleur (Aukha) et dénuées d'un égo fixe (anatta).

(à suivre)

LỜI THÔNG CÁO

(Tiếp theo bìa trang 2)

...gion thành tựu mục-dịch của Annam Phật-Học-Hội, chúng ta cần phải có các vị Pháp-sư chuyên đi giảng-giây khắp nơi, chúng ta cần phải dạy Phật-học-trường, nghĩa là chúng ta phải xây dựng nền-tảng. Mà muốn xây dựng nền-tảng, chúng ta cần phải có một cơ-sở tài-sản đủ cung-cấp tư sự cúng dường và đảm bảo sự hoạt-động của cơ quan hoằng pháp sau này.

Quả quyết tức thành tựu !

Chúng ta hãy cùng nhau hô hào,

« Lập một cơ-sở bất động-sản cho Phật-học-trường và Tăng-Chúng Hoằng pháp tương-lai ».

Công việc tuy rất lớn lao, nhưng có thể thực hiện với tâm đồng-mãnh của hơn hai vạn hội-viên Annam Phật-Học-Hội, với tâm trợ đạo của toàn-thể Phật-giáo-đồ, với hào-quang đại-hùng đại-lực của đức Thế-tôn hằng soi sáng:

Chúng ta hãy quả quyết đem hết lực-lượng tài-thi mà thiệ-hành pháp-thi

Nam-mô A-Di-Đà Phật ... Trăm nghìn công đức các đạo-hữu đã tạo bấy lâu nay đối với Hội, đối với nền Phật-giáo trong nước, hằng sa chư Phật hẳn đã chứng - minh. Nay đối với sự « lập một cơ-sở tài-sản cho Phật-học-trường, và Tăng-Chúng Hoằng - pháp tương-lai » một công-dec tam cho các công-dec khác được viên-mãn, xin toàn-thể hội-hữu hãy đem hết lòng tinh-tấn, hết lòng hy-sinh với Phật-pháp mà hưởng-ứng và thiệ-hành cho công-quả mau thành-tựu.

Nam-mô Thường Tinh-tấn Bồ-tát.

Huế, le 28 Juin 1942

Le Président du Comité Général

d'Administration de la S. E. E. R. B. A.

Signé : UNG-BANG

Danh sách các nhà hảo tâm lạc cúng về việc lập cơ sở bất động sản cho trường Phật-học của hội Annam Phật-học. Hội đã nhận rồi kính lời cảm tạ.

Kê

M. Tôn-thất-Hợp ở Saigon 100p

M. Lý-xuân-Hóa ở Saigon 50p

THƯ TÍN

Chúng tôi đã nhận được ngân phiếu bưu điện của quý ngài
độc-giả kể tên dưới đây :

MM. Hoàng Phú	Cần thơ	3p00
- Lý đăng Long	-	2,00
- Nguyễn hữu Thới	-	2,00
- Lê văn Kỳ	Sông cầu	2,00
- Section Sông cầu	-	10,00
- Dương Kinh	Phanrang	1,50
- Trần Khen	Trà vinh	5,00
- Lê hoàng Tri	Long xuyên	2,00
- Nguyễn văn Tịnh	Hà tiên	2,00
- Nguyễn quang Hân	Cao lãnh	3,00
- Lê quang Huy	Vũng liêm	6,00
- Hoàng cơ hậu Côn	Hà tĩnh	2,00
- Cửu Bảo lý trưởng	-	2,00
- Lê đức Thuyền	-	2,00
- Cửu Phương	-	2,00
- Hà huy Huyền	-	2,00
- Phan Vệ	Nghệ an	3,20
- Trần Lem	Phanrang	2,00
- Lương hoàng Kỳ	-	2,00
- Hồ Bắc Mưu	-	2,00
- Thiệu quang Lâm	-	2,00
- Lý kỉ Định	Omôn	2,00
- Lý xuân Hoa	Saigon	2,00
- Ngô Văn	Qui nhơn	2,00
- Nguyễn văn Hương	Sadec	3,00
- Lai jé Long	Huế	2,00
- Nguyễn văn Ngọt	Cần thơ	4,00
- Yết mỵ lý Tâm	Thudaumot	3,00
- Ban biện Ca	-	2,00
- Nguyễn văn Thuận	Long xuyên	10,00
- Nguyễn Văn Kha	Saigon	2,00
- Hồ Quang	Khánh hòa	2,00
- Hồ Hoàng	-	2,00
- Quảng Đức	-	2,00
- Hồ như Thành	Dur khánh, Phanrang	2,00

Chúng tôi trân trọng có lời cảm ơn chư quý độc giả và
sẽ xin tiếp tục gửi bản san và sách Phật-học Tăng-thư.

Còn nữa